

# ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN NGHĨA SỞ

## QUYỂN 1 (Phần 2)

### ***Chi 2. Môn giải thích tâm sinh diệt:***

Chia làm hai:

1. Lược nêu thể ấy
2. Nói rộng nghĩa ấy

Từ “Thức này có hai” trở xuống.

#### ***1. Lược nêu thể ấy:***

Tâm sinh diệt là hiển bày tên gọi. Nương Như Lai tạng là thức thứ tám. Có tâm sinh diệt là thức thứ bảy. Ở đây nói nương là đồng thời nương nhau như bóng nương hình. Hai câu này nói lý do có vọng, trong vọng này theo vọng lưu chuyển gọi là thức thứ tám.

Ba câu tiếp theo là nêu lên thể kia.

Cái được gọi là Bất sinh bất diệt là thể kia thường trụ, tùy duyên thành vọng mà thể chẳng phải vô thường, như đoạn trên đã nói. Câu này chính là đã nêu lên thể thường. Hòa hợp với sinh diệt là tùy duyên khiến thành vọng mà hòa hợp như một. Một câu này nói về nghĩa theo vọng.

Chẳng phải Một là tánh thường trụ, chẳng phải khác là vì khiến hòa hợp, hai câu này nói về tướng tùy duyên.

Cả ba câu phân biệt rõ ràng thức thứ tám.

Gọi thức A-lại-da, đây là tiếng Ấn Độ, Hán dịch là Vô thất một thức nghĩa là thức không mất, dù ở trong sinh tử tánh vẫn không mất nên gọi là vô thất một.

Theo nghĩa đặt tên gọi là Tông thức (thức căn bản), là chỗ vọng nương nên gọi là tạng thức.

Có đủ tất cả các tịnh pháp nên trong kinh luận có các tên gọi như thế, chẳng phải một tên, nhưng chẳng phải là cách phiên dịch đúng và sát.

#### ***2. Nói rộng nghĩa ấy:***

Chia làm ba:

Tiết B1. Nói về nguồn gốc hiểu biết và mê lầm ấy

Tiết B2. Nghĩa chân vọng nương giữ

Từ “Tướng nhân duyên sinh diệt là” trở xuống.

Tiết B3. Nói về công năng huân tập nhiễm tịnh kia.

Từ “Lại nữa, có bốn pháp” trở xuống.

***Tiết B1. Nói về nguồn gốc hiểu biết và mê lầm ấy:***

Chia làm ba:

1. Nêu số lượng, giải thích sơ lược

2. Chương so sánh

Từ “Tại sao” trở xuống.

3. Chương giảng rộng

Từ “Cái gọi là nghĩa giác” trở xuống.

***1. Nêu số lượng, giải thích sơ lược:***

Thức này có hai ý nghĩa là nêu số lượng, năng nhiếp năng sinh tất cả pháp là giải thích sơ lược. Vì là nguồn gốc của sinh tử Niết-bàn, nên gọi là nhiếp sinh nghĩa.

***2. Chương so sánh:***

Giác là hiểu biết, chẳng phải sự hiểu biết là dụng do tu tập sinh, nên gọi là hiểu biết. Đây chính là chỗ khác với cây đá... cho nên tâm thần là biết. Lại nữa, trái với vô minh mờ tối nên gọi là biết. Bất giác là mê hoặc, bầy thức vô minh là Bất giác.

***3. Chương Giảng rộng:***

Chia làm ba:

1. Giải thích giác

2. Giải thích bất giác

Từ “Cái gọi là nghĩa Bất giác” trở xuống.

3. Phân biệt giống, khác.

Từ “Lại nữa, giác và bất giác” trở xuống.

Sở dĩ phân biệt vì trong một thể có hai nghĩa giác và bất giác trái nhau. Cho nên phần III phân biệt giống và khác. Lại nữa, cũng có thể y cứ vào ba câu trong chánh văn để giải thích rộng.

***1. Giải thích giác:***

Nghĩa chữ Giác, là bất sinh bất diệt trong phần giải thích sơ lược ở trên. Nghĩa Bất giác là nghĩa sinh diệt trong câu “hòa hợp với sinh diệt” đã giải thích sơ lược ở đoạn trên. Giống và khác là chẳng phải một chẳng phải khác trong phần giải thích sơ lược ở đoạn trên.

Chia làm ba:

1. Nêu ra nguồn gốc sinh tử của tám thức kia
2. Nêu ra nguồn gốc quả Phật của tám thức kia
- Từ “Lại nữa, bản giác tùy nhiễm” trở xuống.
3. Nêu chung về lý thể
- Từ “Lại nữa, tướng giác thể” trở xuống.

**1. Nêu ra nguồn gốc sinh tử của tám thức kia:**

Chia làm ba:

1. Hiện bày giác thể
2. Nói về rốt ráo, chẳng phải rốt ráo

Từ “Lại nữa, vì giác nguồn tâm” trở xuống: Rốt ráo là hạnh chân chiếu, chẳng rốt ráo là hạnh duyên chiếu.

3. Tổng kết chân vọng

Từ “Cho nên tất cả chúng sinh” trở xuống.

**1. Hiện bày thể giác kia:**

Chia làm hai:

1. Bản giác là thể chân chiếu
2. Thủ giác là dụng chân chiếu

Từ “Thủ giác là” trở xuống.

1. Bản giác kia là thể chân chiếu

Chia làm hai:

1. Nêu ra thể
2. Giải thích tên gọi

Từ “Nương Pháp thân này” trở xuống.

1. Nêu ra thể

Chia làm hai:

1. Chủ yếu nêu ra thể
2. Giải thích ý nghĩa

Từ “Tướng lia niệm là” trở xuống.

**1. Chủ yếu nêu ra thể:**

Cái gọi là nghĩa giác, là nêu tên. Có nghĩa là tâm thể, là thức thứ tám, chẳng phải sắc vô tác, là cái chân thật trong các tâm nên gọi là thể. Lia niệm, nghĩa là cảnh giới dứt bật danh tướng, vì vượt ngoài vọng tưởng nên gọi lia niệm.

**2. Giải thích ý nghĩa:**

Tướng lia niệm, nghĩa là hiện bày tên gọi. Bằng cõi hư không, nghĩa là chẳng phải là hư không rộng lớn. Đây là pháp tánh chân thật như hư không. Hư không rộng lớn là việc không có, tuy hiện nay không có

tướng sinh diệt nhưng cuối cùng cũng không còn nên gọi là vô thường, chẳng lẽ lý chân thức cuối cùng cũng hoại diệt như hư không hay sao? Trong lý pháp có chân không, chân hữu, nhưng tâm chẳng phải ngoài Không, Không chẳng phải ngoài tâm. Vì tâm chẳng ngoài Không nên bằng cớ hư không khắp tất cả chỗ, không chẳng ngoài tâm nên tịnh pháp trong lặng, nên nói là “chân không”.

Hỏi: Có pháp thì phải hoại diệt, hư không rộng lớn chẳng phải pháp vì sao lại hoại diệt?

Đáp: Vì đối đãi với có nên chẳng thể không hoại diệt. Như lý nghiên cứu lời nói thì do nhân cảm, khi lực của nhân không còn cuối cùng cũng không còn. Vật do nhân cảm đó, có hay không đều giống nhau, há có thể chẳng có không hoại diệt hay sao.

Hỏi: Nếu không có thường, vì sao kinh Niết-bàn nói trong các pháp thường, hư không là trên hết?

Đáp: Trên hết trong kinh ấy chính là pháp tánh hư không hiện tôi đang nói. Thế nào là trên hết? Hạnh thể chư Phật đều vốn có, nên Bất diệt Thường. Lý pháp tánh vì bất sinh bất diệt vắng lặng là Thường, nên gọi là trên hết. Đâu thể nói hư không rộng lớn là tối thượng trong cái Thường của Phật. Hư không rộng lớn trôi lăn không có, còn Thường của Phật thì có đầy đủ. Lời nói các ông cho đom đóm là trên hết trong các loại ánh sáng.

Hỏi: Làm sao biết hư không rộng lớn hoại diệt ư?

Đáp: Văn-thù-sư-lợi đã hỏi việc này trong luận Bồ-đề. Phật bảo: Hư không rộng lớn hoại diệt là chỗ thấy của Phật nhãn. Văn-thù bạch Phật: Nếu chẳng có hư không, thì các Bồ-tát... nương vào đâu để ở mà tu hành? Phật bảo Văn-thù: Nương vào pháp tánh hư không mà trụ, đây là trên hết.

Đoạn văn này chỉ chứng mới biết, chắc chắn hư không rộng lớn là pháp hoại diệt, đã nói hoại diệt thì biết nó là vô thường.

Pháp giới, nghĩa là các pháp sai biệt không giống nhau, đó gọi là giới. Tướng Một, nghĩa là Tâm là tướng Một. Tức là Pháp thân bình đẳng của Như Lai, nghĩa là chẳng phải chỉ là lý Pháp thân trong thân chúng sinh. vì chư Phật lấy cái này làm gốc của Thể nên nói “tức là”.

## **2. Giải thích tên gọi:**

Chia làm hai:

1. Đặt tên
  2. Lý do, giải thích tên
- Từ “Vì sao” trở xuống.

**1. Đặt tên:**

Nương vào Pháp thân này gọi là bản giác, nghĩa là tên nương vào pháp.

**2. Giải thích tên gọi:**

Vì sao? Nghĩa là nói lý do đặt tên Bản giác. Đối đãi với nghĩa thỉ giác mà nói, nghĩa là sau khi tu tập mới bắt đầu có diệu dụng nên gọi là Thỉ giác. Thỉ giác này vốn không có, nay mới có, vì đối đãi với thỉ giác nên gọi là Bản giác.

Chia làm hai:

M1. Thể che đậy là đồng.

Bản giác ẩn hiện thành khác nhau. Tầng thức ở trong nhiễm gọi là ẩn, tầng thức ở quả gọi là hiện, chẳng phải trước là nhiễm sau nhờ đối trị mà thành pháp tịnh, nên kinh Thắng Man nói ẩn là Như Lai tàng, hiển là Pháp thân. Đây là nghĩa của Thể chẳng phải nghĩa của Dụng.

M2. Giải thích nghĩa.

Vì sao đồng một Bản giác lại gọi là Thỉ giác? Vì nương bản giác mà có bất giác, tâm bị vô minh che khuất cái chân thật, nhưng y Bất giác khởi hiểu biết do duyên chiếu, đối trị các hoặc rồi mới hiện ra nên gọi là Thỉ giác.

**2. Nói về nghĩa kinh rốt ráo chẳng rốt ráo:**

Chia làm ba:

1. Giải thích chung hai nghĩa

2. Giải thích tương ấy

Từ “nghĩa này thế nào” trở xuống.

3. Dẫn kinh chứng minh

Từ “Cho nên Tu-đa-la kinh” trở xuống.

**1. Giải thích chung hai nghĩa:**

Vì giác nguồn tâm gọi là rốt ráo, nghĩa là hiểu biết do chân chiếu, vì tu thành Phật nên gọi là rốt ráo giác. Chẳng giác nguồn tâm nên chẳng phải rốt ráo, nghĩa là trong tâm duyên trí hiểu biết hết, vì đã diệt nên chẳng phải rốt ráo giác.

**2. Giải thích rộng tương ấy:**

Chia làm hai:

1. Giải thích bất giác

2. Giải thích rốt ráo giác

Từ “Được thấy tâm” trở xuống.

**1. Giải thích bất giác:**

Trong đây y cứ bốn địa vị để nói về “tuy giác mà không gọi là

giác.”

Phàm phu niệm trước khởi ác, niệm sau chẳng khởi không gọi là giác, đây là địa vị thứ nhất. Bốn tướng của niệm trước đã mất, mà đến niệm sau mới giác ngộ, vì không giác biết nên vẫn không gọi là giác, như Nhị thừa và Bồ-tát Sơ phát tâm là địa vị thứ hai. Giác biết tướng khác của niệm, tướng chẳng khác của niệm, nghĩa là giác biết tướng khác trong bốn tướng, vì giác ít nên cũng không gọi là giác. Sơ phát ý: Nghĩa là chủng tánh. Lại cũng có thể là dị tướng, vô dị tướng, nghĩa là ngoài tâm có tâm khác, hoặc trong đó không có tướng khác nên gọi là niệm tướng khác.

Tu quán thế nào? Có ba cách hiểu:

Quán sinh không: Quán sát chỉ là ấm, vì vô ngã vô nhân.

Quán Pháp không: Quán pháp hư giả vì không có tự tánh.

Quán Như: Quán sát các pháp chẳng phải có chẳng phải không.

Thế nào là quán pháp chẳng phải có chẳng phải không? Thấy tất cả pháp dưỡng như huyễn hóa vì có pháp huyễn nên không pháp là có, có tức chẳng phải có; không pháp huyễn nên có pháp là không, không tức chẳng phải không; cho nên nói huyễn có huyễn không này là chẳng phải có không, cũng không có chẳng phải có chẳng phải không để được; lại cũng tức là nói, vì chẳng phải có chẳng phải không này là có không, nên tướng có không cũng không thật có; tới lui tìm cầu cũng không có pháp để chấp. Cảnh giới đã như thế, tâm tướng cũng vậy.

Trong ba cách quán này, hai cách quán đầu là của Nhị thừa, một pháp sau là cách quán của Bồ-tát, nếu nói chung ba thừa thì đều quán ba pháp này, do quán này mà xả bỏ tướng phân biệt chấp trước thô.

Đây là mười sử bốn mặt nắm giữ tánh vô minh và tướng chấp danh tự, nên văn sau nói về chấp tướng ưng nhiệm Nhị thừa và Bồ-tát Tín Địa dứt hẳn, chủng tánh của Bồ-tát là Tín địa.

Như Bồ-tát Pháp thân nơi tướng trụ của niệm và không trụ của niệm, là địa vị thứ ba từ Sơ địa trở lên, khi trụ tướng trong bốn tướng, ngộ tướng trụ không trụ của tất cả pháp.

Tu quán thế nào? Có ba cách:

Quán Vọng tướng: Quán sát tướng ba cõi lống dối chỉ từ tâm khởi, như nằm mộng thấy có tướng, không có tướng. Ngoài tâm rốt ráo không có pháp để được.

Quán Vọng tướng: Quán tâm vọng tướng hư cấu không có tự thể nương chân tâm mà có, như sóng nương nước, như lùm đường nương vào phương hướng.

Quán Chân thật: Quán tất cả pháp chỉ là chân thật do duyên khởi hợp thành. Ngoài chân rốt ráo không có một pháp nào để khởi vọng tưởng. Đã không có một pháp để khởi vọng tưởng thì tâm vọng tưởng cũng không thật có. Do cách quán này nên xa lìa tướng niệm thô phân biệt, nghĩa là sự giác biết của thức phân biệt sự, vì trong Sơ địa sáu thức hiểu biết mê lầm thấy đều dứt sạch. Vì sao? Vì kinh Lăng Già nói: “Bồ-tát Sơ địa được hai mươi lăm Tam-muội, lìa hai mươi lăm hữu. Hai mươi lăm hữu là thân phần đoạn trong ba cõi, vì xa lìa kia nên gọi là xả trừ sáu thức, kinh Niết-bàn cũng nói như thế, nên thuộc về xuất thế gian. Lại nữa, luận Đại Trí Độ nói Bồ-tát nhập vào Sơ địa là sinh vào nhà Bồ-tát, xả bỏ nhục thân, được thân pháp tánh. Đây cũng là lìa sáu thức kia. Nếu nói về tập khí thừa thì Thập địa mới hết sạch.

Hỏi: Nếu sáu thức hết khi ở Sơ địa, từ Sơ địa trở lên thì không còn sáu thức hay sao, vậy làm sao thấy biết nghe hiểu?

Đáp: Tuy không có sáu thức sự tướng vẫn có bẩy thức duyên chiếu Pháp thân vô lậu và cùng với các chân thức như nhãn thức, nhĩ thức... duyên khởi Pháp thân, nên dùng cái thấy nghe hiểu biết này.

Hỏi: Nếu dùng thấy nghe hiểu biết của duyên chiếu Pháp thân thì khác với sáu thức trước thế nào?

Đáp: Sáu thức trước là sự thức, phân biệt sự tướng, chấp pháp ngoài tâm. Thấy nghe... của duyên chiếu Pháp thân biết ngoài tâm không pháp, tất cả đều từ tự tâm sinh khởi như chỗ thấy trong mộng. Nơi vào tâm tướng phân biệt soi biết có khác.

Hỏi: Sự thấy nghe của chân thức và cái biết của duyên chiếu có gì khác nhau?

Đáp: Bẩy thức thân duyên chiếu nghĩa là trong pháp do vọng tưởng duyên khởi chỉ duyên phân biệt mà biết. Lại nữa đối với chân pháp phân biệt duyên pháp không thể lìa duyên. Pháp thân chân thật là xa lìa tâm vọng tưởng, chiếu rõ pháp giới thanh tịnh, hiển bày nguồn tự tâm gọi là thấy nghe, chẳng phải cái biết phân biệt.

Như Bồ-tát Địa tạng đầy đủ phương tiện, là địa vị thứ tư, là hàng Mãn Tâm của Thập địa. Mới khởi tâm không có tướng ban đầu, nghĩa là khi sinh tướng đầu tiên trong bốn tướng, ngộ tất cả pháp từ xưa đến nay vốn bất sinh.

Tu quán thế nào? Có hai cách:

Quán dứt tướng: Sinh tử Niết-bàn vốn là chỗ khởi theo vọng của chân thức, chứng thật tướng trở về nguồn thì xưa nay không có vọng. Vọng tướng đã không có, chẳng lẽ lại có pháp tướng sinh tử Niết-bàn

theo vọng được ư? Đó là quán dứt tướng.

Quán Thật tánh: Quán chân thức kia là thể Như Lai tàng, chỉ là pháp giới hằng sa Phật pháp đồng thể duyên tập, thành tựu lẫn nhau, không lia không thoát không đoạn không khác. Vì các pháp đồng thể duyên tập, thành tựu lẫn nhau nên không có pháp nào giữ tự tánh riêng. Tuy không có một tánh mà đều là tánh không có chấp tánh, tức là pháp môn Như Như Nhất Thật. “Mà đều là tánh” tức là pháp giới môn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh... chân thật, Thể tánh thường nhiên xưa nay không đổi gọi là quán thật tánh.

Xa lia niệm vi tế, nghĩa là thức bảy duyên trí, vì vô minh diệt duyên trí liền diệt.

Hỏi: Người tu tập được hiểu biết vì sao hoại diệt?

Đáp: Vì là hiểu biết luống dối không thành Phật được. Hiểu biết nên dứt mê lầm, vì Thể là hiểu biết luống dối nên cuối cùng diệt vong. Vì sao biết được hiểu biết cũng diệt theo? Vì phẩm Tứ Tướng trong kinh Niết-bàn nói: Ví như trong bình có hình dáng nam nữ lớn nhỏ, thủy đều châm đầy dầu đốt đèn, dầu hết ánh sáng cũng tắt theo, cây đèn vẫn còn tại đó. Hợp với thí dụ trên thì dầu hết là dụ phiền não hết, ánh sáng dụ trí tuệ; trí tuệ tuy đã diệt vẫn còn Pháp thân. Đoạn văn này trình bày như thế. Cuối cùng trong tâm đều diệt hết gọi là chẳng phải rốt ráo giác.

### **2. Giải thích rốt ráo giác:**

Thấy được tâm tánh, gọi là chân thức, tâm là thường trụ, thuộc về trí giác.

Rốt ráo giác, nghĩa là vì giác nguồn tâm, cuối cùng được giác viên mãn.

### **3. Dẫn kinh chứng minh:**

Chia làm hai:

1. Chứng chẳng phải rốt ráo giác
2. Chứng rốt ráo giác

Từ “Lại nữa tâm khởi” trở xuống.

Cho nên kinh nói, đó là kinh Lăng Già nói. Không có niệm năng quán, nghĩa là bảy thức duyên trí gọi là niệm, không có niệm bảy thức là hướng về trí Phật. Đây là tu chứng bậc trung bậc thượng, chẳng phải rốt ráo giác. Lại nữa tâm khởi, nghĩa là chân tâm trí giác, không có sơ tướng tức là vô niệm. Vì khi khởi trí giác, tất cả vọng pháp không thể biết mà nói biết, nghĩa là vô niệm gọi là Biết, đây là chứng rốt ráo giác.



**3. Tổng kết. Chia làm hai:**

1. Kết thúc bất giác
  2. Kết thúc nghĩa giác ở trước
- Từ “Vì vô niệm...” trở xuống.

**1. Kết thúc về bất giác:**

Chia làm hai:

1. Kết luận phàm phu bất giác ở trước
  2. Kết luận ba quả trước chẳng phải rốt ráo giác.
- Từ “Nếu được vô niệm” trở xuống.

**1. Kết luận phàm phu bất giác ở trước:**

Chia làm ba:

1. Tổng kết
- Cho nên tất cả chúng sinh chẳng gọi là giác.
2. Giải thích lý do

Vì xưa nay niệm niệm không hề lia. Niệm là niệm phân biệt chấp trước.

3. Kết thúc lần nữa.

Nên gọi là vô minh vô trí. Vì xưa nay không lia nên gọi là vô trí.

**2. Kết luận ba quả vị trước:**

Nếu được vô niệm thì biết tâm sinh trụ diệt.

**2. Kết luận nghĩa giác ở đoạn trước:**

Chia làm hai:

1. Kết thúc phần thỉ giác ở trước
  2. Kết thúc phần bản giác ở trên
- Từ “Bốn tướng có cùng một lúc” trở xuống.

**1. Kết thúc phần thỉ giác ở trước:**

Vì vô niệm, thật không có Thỉ Giác nào khác. Vì niệm bất giác che đậy, khi hiển bày thì gọi là Thỉ Giác. Như đoạn trên, Thỉ Giác tức đồng với Bản Giác, vì khác với Bản Giác thì không có Thỉ Giác.

**2. Kết thúc bản giác:**

Vì bốn tướng có cùng một lúc, nghĩa là như ý nghĩa các nhà Tỳ-đàm thì bốn tướng đều có cùng một lúc, dụng thì có trước sau. Nếu theo luận Thành Thật thì bốn tướng không phải có cùng một lúc mà có trước sau. Ở đây giống như ý một số luận sư. Điều không tự có, nghĩa là như những việc thấy trong mộng không có thật thể. Xưa nay bình đẳng vì đồng một tánh giác, đó là bản giác.

Từ trước đến đây nói rõ về cội gốc sinh tử đã xong.

**2. Cội gốc quả Phật:**

Chia làm hai:

1. Giải thích chung
  2. Giải thích riêng
- Từ “Vì sao” trở xuống.

**1. Giải thích chung:**

Lại nữa bản giác tùy nhiệm phân biệt sinh hai tướng, nghĩa là hai loại Pháp và Báo. Đồng một tánh giác mà tùy nhiệm ẩn hiện gọi là Pháp; trong chân thức này vốn không có nghĩa hiện sinh, gọi là Báo. Không lìa bản giác kia, nghĩa là trong một thể có hai nghĩa nên gọi không lìa nhau.

**2. Giải thích riêng:**

Chia làm hai:

1. Lập hai chương môn
2. Giải thích hai chương

**1. Lập hai chương môn:**

Tướng tịnh trí, nghĩa là Pháp thân Phật tánh không thêm không bớt, xưa nay trong lặng, chẳng phải trước nhiệm sau tịnh, gọi là trí tịnh. Tướng Nghiệp không thể nghĩ nghĩ bàn, nghĩa là tánh Báo thân Phật vốn không có pháp thể do năng lực tu tập không thể nghĩ bàn nên có nghĩa mới sinh; do tạo tác mà thành, không có thành có nên gọi không thể nghĩ bàn, tạo tác gọi là nghiệp; trong một Thể này, Thể hiện dụng sinh nên có hai thứ.

**2. Giải thích chương môn:**

Chia làm hai:

1. Giải thích trí tịnh
2. Giải thích nghiệp tướng

**1. Giải thích trí tịnh.**

Chia làm hai:

1. Nêu lên trí thể ấy
2. Giải thích thể nghĩa ấy

Từ “Nghĩa này thế nào” trở xuống.

**1. Nêu lên trí thể ấy.**

Chia làm ba:

1. Nêu lên khả năng biết đối trị
2. Hiện bày chương bị đối trị

Từ “Phá hòa hợp” trở xuống.

**3. Nói về chỗ hiển bày**

Từ “Hiển” trở xuống.

**1. Nêu lên khả năng biết đối trị:**

Tướng trí tịnh, đó là nêu tên gọi. Nướng vào pháp lực, có nghĩa là nhờ năng lực chủng tử chân thật, “y” là nướng, nghĩa là duyên trí. Tu hành chân thật đầy đủ phương tiện, nghĩa là duyên trí. Phương tiện là phương tiện khéo léo.

**2. Hiển bày chướng:**

Phá tướng thức hòa hợp, nghĩa là sáu thức chướng. Diệt tướng tâm nối tiếp, nghĩa là bảy thức chướng. Do duyên chiếu biết đối trị sáu thức bảy hoặc.

**3. Nói về chỗ hiển bày:**

Để hiển lý tịnh trí của Pháp thân.

**2. Giải thích nghĩa**

Chia làm ba:

**1. Pháp thuyết**

**2. Nêu ví dụ.**

Từ “Như nước biển lớn” trở xuống.

**3. Hợp dụ.**

Từ “chúng sinh như thế” trở xuống.

**1. Pháp thuyết:**

Tất cả tâm thức đều là vô minh, nghĩa là sáu thức và bảy thức tâm đều lấy vô minh làm thể, cũng như tướng thức hòa hợp và tướng tâm nối tiếp ở trước. Tướng vô minh không là tánh giác, nghĩa là chân vọng duyên tập. Chẳng thể hoại, nghĩa là vì lý pháp thường như vậy. Chẳng phải không thể hoại, nghĩa là vì biết đối trị vọng.

**2. Nêu ví dụ:**

Như nước biển lớn dụ cho thức thứ tám, gió dụ cho vô minh, sóng dụ cho bảy thức.

Tướng nước tướng gió không là bỏ, nghĩa là chân thức và vô minh do duyên nhóm hợp thành. Nước chẳng phải tánh động, nghĩa là thật không có tánh động, theo vọng nên thành. Nếu tướng gió diệt, thì tướng động cũng diệt, nghĩa là vô minh diệt thì bảy thức liền diệt. Tánh ướt không hoại, nghĩa là dụ chân thức kia thể tánh thường trụ.

**3. Hợp dụ:**

Tự tánh tâm thanh tịnh hợp với dụ nước biển ở trên.

Tự gió vô minh động, hợp với dụ gió ở trên. Tâm và vô minh đều không có hình tướng, hợp với dụ tướng nước và tướng gió không là nhau. Mà tâm chẳng phải tánh động, hợp với dụ nước chẳng phải tánh

động ở trên. Nếu vô minh diệt nối tiếp thì cũng diệt, hợp với dụ nếu gió dừng hết thì tướng động cũng hết. Trí tánh không hoại, hợp với dụ tánh ướt không hoại ở trên. Dụ cho bảy thức sinh khởi không có hợp dụ.

Kinh Lăng-già nói, ví như sóng biển lớn đều do gió thổi mạnh sinh ra sóng lớn đập vào nơi sâu thẳm không có lúc nào dừng. Biển tàng thức thường trụ bị gió cảnh giới thổi động nên các thứ sóng thức lăng xăng chuyển sinh. Đây là nói biển lớn tuy bị gió thổi mà tánh ướt không đổi. Tánh không đổi nên gọi là thường trụ. Tánh tuy thường trụ mà tướng nước theo gió mà chuyển thành sóng, dụ cho chân thức kia tuy bị cảnh giới vọng tưởng, và gió làm động mà chân tánh không đổi. Tánh tuy không đổi mà chân tướng kia tùy theo vọng tưởng vô tử chuyển động sinh ra cảnh giới luống dối, khởi từ nơi bảy thức, như sóng biển.

Trong kinh, cảnh giới là gió vì sao luận chủ cho vô minh là gió?

Đáp: Trong kinh y cứ vào ngọn nên nói cảnh giới là gió, luận chủ tìm đến gốc thì vô minh là gió, cũng giống nhau vì đều có nghĩa động. Lại có nghĩa cho chân thức là biển, vô minh là gió sinh ra sóng bảy thức; cho bảy thức là biển, cảnh giới là gió sinh ra sóng sáu thức.

## **2. Chương giải thích nghiệp:**

Chia làm hai:

1. Giải thích chung
2. Giải thích riêng

### **1. Giải thích chung:**

Do nương trí tịnh có công năng tạo ra cảnh giới, nghĩa là nương thể khởi tướng dụng.

### **2. Giải thích riêng:**

Vô lượng tướng công đức thường không dứt mất, là tánh của báo Phật.

Tùy căn cơ chúng sinh trở xuống là nói về tánh của Ứng thân Phật. Hai tánh này do tu tâm mà có, chẳng phải hiện sẵn có.

## **3. Nêu chung về lý thể:**

Chia làm hai:

1. Lược nêu
2. Giải thích riêng.

Từ “Thế nào là bốn” trở xuống.

### **1. Lược nêu:**

Lại nữa, tướng giác thể, cũng là tướng bản giác ở trước, tức là Thể tướng, chẳng phải tướng của tướng. Có bốn nghĩa lớn, nghĩa là đồng một thể tùy nghĩa chia thành bốn, chẳng phải giải thích có bốn thể

riêng. Bằng với hư không, nghĩa là pháp tánh hư không. Ở đây tuy nêu bốn mà không có hơn kém khác nhau. Như gương trong sáng, nghĩa là dụ trong sáng không nhiễm ô, cũng dụ cho nhập nhau, không chướng ngại nhau.

## 2. Giải thích riêng:

Trong bốn loại này, đặt tên cho mỗi loại để giải thích.

Gương như thật không, cũng là chân như ở trước. Xa lìa tâm cảnh, không có pháp nào hiện, nghĩa là nhìn theo Chân thì chỉ có chân vì xưa nay không vọng. Kinh chép: Phật không độ chúng sinh vì không thật có chúng sinh. Vì chẳng phải nghĩa giác chiếu, nghĩa là tuy là một thể mà tâm pháp khác nhau. Nói theo tâm thì pháp chẳng sinh biết vì là lý chân đế, chẳng phải giác chiếu ở trên, pháp tánh là Không, tức có nghĩa như thế. Gương nhân huân tập, nghĩa là chân tâm. Nương vào tâm này làm nhân cho duyên chiếu huân tập nên gọi Nhân huân tập. Tất cả thế gian đều hiện trong đó, nghĩa là tâm là gốc của tất cả các pháp nên đều hiện trong tâm. Nhưng ngay khi hiện là (pháp) sinh khởi trong Thể? Nên nói chẳng hiện ra, cũng có thể hiện khắp nơi nên hiện bên ngoài mà chẳng ra. Vì hiện trong Thể làm tạp loạn nhất tướng nên nói chẳng vào. Vì không vào nên vọng pháp hoại vọng nên nói không mất không hư.

Cách thứ nhất nói theo chân pháp, bật lìa tướng vượt ngoài các vật mà chẳng lìa Có Không nên nói chẳng ra; chẳng lìa Có Không mà chẳng phải Có Không nên nói chẳng vào. Cho nên kinh nói rằng: Tuy ở ấm giới nhập mà không đồng với ấm giới nhập.

Vì ngoài muôn pháp mà không hoại mất, nên nói không hoại không mất. Đây là vật gì? Là nhất tâm thường trụ! Vì sao? Vì tất cả tánh chân thật chẳng có pháp nào không phải chân.

Lại nữa, tất cả pháp nhiễm không thể nhiễm, nghĩa là vì tâm thể thường trụ không thể nhiễm ô, chẳng phải nghĩa dụng. Trí thể chẳng động, nghĩa là giải thích lý do chẳng nhiễm ô. Đầy đủ vô lậu huân tập chúng sinh, nghĩa là vì đầy đủ tịnh pháp, thậm giúp chúng sinh để tu hạnh lành. Gương pháp xuất ly; cũng là tướng tịnh trí. Vì chân pháp vượt ngoài phiền não chướng, hoặc chướng nên nói xuất ly. Bất không, vì đầy đủ hằng sa tịnh pháp trong lặng. Phiền não ngăn ngại, cũng gọi là phiền não chướng, trí ngăn ngại, cũng gọi là trí chướng.

Các hoặc tuy nhiều nhưng không ngoài hai chướng, các nghĩa này trong phần nói về hai chướng ở sau có phân biệt giải thích rộng. Là tướng hòa hợp thuần tịnh sáng suốt, nghĩa là lìa tướng sáu và bảy thức tâm. Gương duyên huân tập, cũng là nghiệp tướng không thể nghĩ bàn

ở đoạn trên. Vì duyên trí tu tập nên được gọi là duyên huân tập. Nương pháp xuất ly, nghĩa là nương Thể khởi dụng, chiếu khắp tâm chúng sinh để tu pháp lành, thuộc về Báo Phật. Tùy niệm mà thị hiện, nghĩa là Ứng Phật.

Trong bốn gương này, hai gương đầu là Lý, hai gương sau là Hạnh. Lý hạnh đều rõ ràng nên không còn pháp nào hơn.

## **2. Giải thích bất giác:**

Chia làm hai:

1. Nói về thể bất giác
  2. Nói về các hoặc chuyển sinh
- Từ “Lại nữa y bất giác” trở xuống.

### **1. Nói về thể bất giác:**

Chia làm hai:

1. Nói về nghĩa bất giác
  2. Trái với chân giác
- Từ “Vì có bất giác” trở xuống.

### **1. Nói về nghĩa bất giác:**

Chia làm ba:

1. Pháp thuyết
2. Nêu dụ
3. Hợp dụ

### **1. Pháp thuyết:**

Ý nghĩa Bất giác, nghĩa là nêu lên tên gọi, từ ngữ Bất giác, là tên khác của vô minh. Không biết như thật chân như là pháp duy nhất, là y nơi cảnh rõ Thể. Chân như không hai nên gọi là pháp duy nhất. Chợt vô minh sinh khởi, là thức thứ bảy, mà có niệm kia, là tâm nhiễm ô. Nói chung đều là vọng thức, nói riêng thì bất giác là vô minh căn bản kia, tâm nhiễm là nghiệp thức kia, cho đến thức tương tục ở sau. Niệm không có tự tướng chẳng lia chân giác, là nói vọng pháp kia chẳng thành lập riêng, nên trái với chân mà có, nếu không có chân này thì vọng không thể sinh.

### **2. Nêu dụ:**

Như người mê, nghĩa là các chúng sinh... là những loại đui mù. Quên lý Nhị đế không biết bến bờ vượt khỏi sinh tử, giống như người mê. Nương phương hướng nên mê, nghĩa là dụ nương chân nên có vọng. Nếu lia phương hướng thì không có mê, nếu không có chân thức thì không có vọng. Cho nên kinh Thắng Man nói nương Như Lai tạng mà có sinh có tử, nếu không có tạng thức thì không chán khổ cầu Niết-

bàn.

### **3. Hợp dụ:**

Chúng sinh cũng như vậy, nghĩa là hợp với dụ người mê ở trên. Nướng giác nên mê, nghĩa là hợp với dụ nướng phương hướng nên mê. Nếu lìa tánh giác thì không có Bất giác, nghĩa là hợp với dụ nếu lìa phương hướng thì không có mê.

### **2. Trái với chân giác:**

Có ba câu:

#### 1. Giải thích nghĩa giác

Vì có tâm Bất giác nên biết được tên và ý nghĩa, tức là nói chân giác.

#### 2. Nói về thể dứt bật đối đãi

Nếu lìa tâm Bất giác thì không có chân thức.

#### 3. Trừ chấp

Tuy đều là chân cũng không có tướng chân, nghĩa là lìa tâm bất giác thì không có tự tướng chân giác để nói.

### **2. Nói về nghĩa các hoặc chuyển sinh:**

Chia làm ba:

#### 1. Nói chung

#### 2. Giải thích riêng

Từ “Thế nào” trở xuống.

#### 3. Kết thúc phần giải thích

Từ “Nên biết vô minh” trở xuống.

### **1. Nói chung:**

Lại nữa, nướng theo Bất giác nên sinh ra ba tướng, nghĩa là nướng vô minh căn bản tướng tâm tâm sở dần dần thô nên sinh ra ba tướng, cùng tương ứng chẳng lìa bất giác kia, nghĩa là làm Thể của thức thứ bảy.

### **2. Giải thích riêng:**

Trong đó tùy nghĩa mà phân biệt, nghĩa là trong bảy thức có sáu, trong sáu thức có bốn. Nhưng trong sáu thức trước, bốn thứ đầu là không tương ứng, hai thức sau là tương ứng. Vì giống với sáu thức nên trong chánh văn chia ra hai phần.

#### 1. Nói về bất tương ứng

#### 2. Nói về tương ứng

Từ “Vì có cảnh giới” trở xuống.

### **1. Nói về Bất tương ứng:**

Vô minh nghiệp tướng, nghĩa là vô minh là chỗ nướng của kia.

Nghiệp bất giác, có nghĩa là động. Tướng Năng kiến, cũng gọi là chuyển thức. Tâm tướng chuyển thô, chuyển khởi ngoại tướng gọi là chuyển. Đó là ba tâm.

Tướng Cảnh giới, cũng gọi là hiện thức, vì trong vọng tâm vọng tạo ra cảnh giới hiển hiện như gương.

### **2. Nói về nghĩa tương ứng:**

Vì duyên cảnh nên sinh ra sáu thứ tướng, nghĩa là vì tương ứng nên hợp lại thành một loại. Trí tướng, là cảnh ở đoạn trước đã nói phân biệt thành nhiệm tịnh trái thuận khác nhau, chẳng phải trí hiểu biết. Tướng tương tục, là nương trí ở trên, tướng thức tâm chuyển thành thô, cảnh giới dẫn tâm, tâm phân biệt theo cảnh giới không thôi, giống như sóng biển, nên gọi là nối tiếp. Lại nữa, nhân quả ba đời không để dứt mất. Tướng Chấp thủ, nghĩa là mười kiết sử căn bản nắm giữ tánh vô minh. Tướng Kế danh tự, cái gọi là năm kiến thô khởi phiền não. Nếu nói chung về mười kiết sử thì đều là hai tướng này, hợp thành phần phiền não.

Tướng Khởi nghiệp, nghĩa là nương phiền não tạo các thứ nghiệp. Tướng Nghiệp hệ khổ, nghĩa là nương nghiệp thọ báo.

Trong sáu loại này, hai loại đầu là thức thứ bảy, bốn loại sau là thức thứ sáu.

### **3. Kết thúc phần giải thích:**

Nên biết vô minh sinh tất cả pháp nhiệm, vì vô minh là căn bản của các hoặc. Pháp nhiệm đều là tướng bất giác, vì đều là tướng dụng của vô minh.

### **3. Sơ lược về nhân quả:**

Cũng có thể giải thích đoạn trên là chẳng phải một. Chia làm ba:

1. Nêu chung số lượng

2. Kể tên

Từ “Thế nào” trở xuống.

3. Chương giải thích

Từ “Tướng giống nhau là” trở xuống.

### **3. Chương giải thích:**

Chia làm hai:

1. Chương giải thích giống nhau

2. Chương giải thích khác nhau

### **1. Chương giải thích giống nhau:**

Chia làm ba:

1. Nêu dụ



## 2. Hợp dụ

Từ “vô lậu như thế” trở xuống.

## H3. Dẫn kinh chứng minh

Từ “Cho nên” trở xuống.

**1. Nêu dụ:**

Ví như vật gồm sứ, nghĩa là dụ cho thức thứ bảy và các pháp vọng.

Đều giống tánh tướng vị trần, nghĩa là dụ cho chân như là Thể.

**2. Hợp dụ:**

Vô minh vô lậu đều là bảy thức.

Đều giống chân như, nghĩa là hợp với dụ giống với tánh tướng của vi trần ở trên.

**3. Dẫn kinh chứng minh:**

Cho nên trong kinh nói nương theo nghĩa này, nghĩa là dùng kinh kia giải thích thành tựu nghĩa này, có hai câu:

1. Câu đầu, nói về lý Niết-bàn

2. Câu sau, giải thích thắc mắc

**1. Câu đầu, nói về lý niết-bàn:**

Tất cả chúng sinh xưa nay thường trụ Niết-bàn Bồ-đề, nghĩa là chỉ là chân thức, vì không còn pháp nào khác. Chẳng phải tướng để tu để tạo tác, nghĩa là chẳng phải như Báo thân và Ứng thân. Rốt ráo không có chứng đắc, tức đã là Thường, đã được Thường cũng lại không thật. Cũng không có sắc tướng để thấy, nghĩa là vì là lý vô sắc.

**2. Giải thích thắc mắc:**

Nếu không có sắc tướng, nghĩa là thắc mắc làm sao dùng thân tướng làm lợi ích cho chúng sinh được, nên giải thích thắc mắc này. Mà có thấy sắc, nghĩa là chỉ tùy nhiệm mà tạo ra nghiệp huyễn, chẳng phải chân trí, lý sắc tánh bất không. Vì sao chẳng phải lý trí vô sắc, nghĩa là vì trí tướng không thể thấy được.

**2. Chương giải thích khác nhau:**

Chia làm hai:

1. Nêu dụ

2. Hợp dụ

Từ “vô lậu như thế” trở xuống.

**1. Nêu dụ:**

Đại ý đồng khác này, nghĩa là hai thức chân và vọng có nghĩa giống nhau và khác nhau. Giống, nghĩa là vì ngoài chân không có vọng, ngoài vọng không có chân. Khác, nghĩa là vì chân vọng trái nhau, như sóng trong nước, nước chẳng ngoài sóng, sóng chẳng ngoài nước đó là

nghĩa giống nhau; nước và sóng chẳng phải một đó là khác nhau.

**TIẾT B2. Chân vọng nương nhau giữ gìn nhau:**

Chia làm năm:

1. Nói về chân vọng chuyển sinh nương nhau giữ gìn nhau
2. Nói nghĩa chuyển sinh ấy trí cạn cột chẳng biết được  
Từ “Nương nghiệp vô minh mà khởi” trở xuống.
3. Khi trở về nguồn cội, sáu và bảy thức mê lầm được đối trị dứt  
từng phần.

Từ “tâm nhiễm tâm có sáu thứ” trở xuống.

4. Nhiếp các hoặc, y cứ hai chương để nói.

Từ “Lại nữa, tâm nhiễm nghĩa là ” trở xuống.

5. Xả tướng diệt

Từ “Lại nữa, phân biệt tướng sinh diệt” trở xuống.

Tuy ở trên đã phân biệt rộng tướng đối trị đoạn dứt, nay nhiếp  
rộng để tóm lược nói rõ tướng diệt.

**1. Nói về chân vọng chuyển sinh nương giữ:**

Chia làm hai:

1. Nêu chung về chuyển sinh
2. Giải thích riêng về tướng chuyển sinh

Từ “Nghĩa này thế nào” trở xuống.

**1. Nêu chung về chuyển sinh:**

Lại nữa, tướng nhân duyên sinh diệt, nghĩa là hiển bày tên gọi.  
Cái gọi là chúng sinh nương tâm, nghĩa là thức thứ tám, ý ý thức chuyển  
nên có bảy thức, sáu thức. Chân thức là chỗ nương, làm chủ tập khởi  
của thần tri kia, gọi là Tâm. Vọng thức đối đãi chung tất cả cảnh giới  
phát sinh sáu thức, gọi là Ý. Sự thức nương ý vì biết rõ sáu trần sự tướng  
cảnh giới nên gọi là Ý thức.

Trong kinh cũng nói ba thức này giống như thế, danh từ có khác  
chút ít.

Gọi là thức Phân biệt sự cũng gọi là chuyển thức.

Gọi là Nghiệp thức cũng gọi là Hiện thức.

Tên gọi thức Chân tướng.

Thức Phân biệt sự, nghĩa là sáu thức của tâm, vì phân biệt được  
sáu trần sự nên gọi là Phân biệt sự, tức sáu thức này chuyển theo sáu  
trần nên có tên là chuyển, không giống bảy thức chuyển khởi tướng  
ngoài gọi là Chuyển.

Nghiệp tướng, Hiện tướng là thức thứ bảy, là tên sáu thức vì gồm

nhiếp cả hai.

Thức Chân tướng, là thức thứ tám, tên gọi tuy khác mà nghĩa không khác với ba loại trước.

**2. Giải thích riêng về tướng chuyển sinh:**

Chia làm ba:

1. Nói về bảy thức tâm
2. Nguồn gốc sinh tử của bảy thức  
Từ “Cho nên ba cõi” trở xuống.
3. Nói về sáu thức tâm  
Từ “Lại nữa ý thức” trở xuống.

**1. Nói về bảy thức tâm:**

Chia làm hai:

1. Giải thích sơ lược
2. Giải thích rộng  
Từ “Ý này có năm thứ” trở xuống.  
Ý nghĩa này thế nào sẽ đặt câu hỏi để hỏi đáp.

**1. Giải thích sơ lược:**

Vì nương thức A-lại-da mà nói, nghĩa là tên gọi và ý nghĩa giống như đoạn trên đã nói. Có vô minh, là cội gốc sinh tử. Theo lý thì A-lại-da có đồng thời với vô minh, nhưng vì nói theo nghĩa thì nương lý khởi mê là vô minh căn bản. Vô minh tức là Tâm, chẳng phải ngoài tâm có vô minh riêng. Bất giác mà sinh khởi, đó là nghiệp tướng.

Năng hiện, nghĩa là chuyển tướng.

Năng kiến, cũng là Hiện tướng, có công năng chấp lấy cảnh giới, là Trí tướng. Khởi niệm tương tục, là thức tương tục.

Hỏi: Từ trước đến nay đã phân biệt rõ ràng, vì sao lại nói lần nữa?

Đáp: Đoạn trên nói về nghĩa mê lầm của bảy thức kia, đoạn này nói về nghĩa của bảy thức tâm kia cho nên hai đoạn khác nhau.

**2. Giải thích rộng:**

Chia làm hai:

1. Nêu sơ lược số lượng
2. Phân biệt tên gọi  
Từ “Thế nào” trở xuống.

**1. Nêu sơ lược số lượng:**

Giải thích ý này lại có năm thứ, đó là nêu số lượng. Nghiệp thức, là nương vô minh ở trên lại có tâm vọng niệm bất giác sinh khởi, gọi là nghiệp. Vì sao không gọi là thức vô minh? Vì đây là Thể căn bản. Trong

hằng sa pháp chia thành năm loại: Chuyển thức, là nương nghiệp thức trước, tâm suy tính thô dần để chấp lấy tướng ngoài nên gọi là chuyển thức. Hiện thức, là nương chuyển thức trên sinh khởi cảnh giới, lại hiển bày tự tâm nên gọi là hiện thức. Năm thô đến liền hiện không có trước sau, là nói các cảnh giới cùng hiện một lúc.

Hỏi: Thức này khi chưa có cảnh giới chỉ có tướng tâm thức, vì sao không nói pháp trần cảnh.

Đáp: Nếu nói về lý thật thì cùng có, nhưng nói riêng về thô thì có năm trần. Lại nữa, pháp trần không còn có trần nào khác bèn duyên theo năm trần, vì tìm cầu Thể (trần) cảnh lại không có khác, cho nên không nói.

Trí thức, là đối với các pháp hiện trong hiện thức ở trước, phân biệt nhiệm tịnh, trái thuận khác nhau, nên gọi là Trí thức. Thức Tương tục, nghĩa là nương Trí thức ở trước, tâm tướng chuyển sang thô, cảnh giới sự tâm, tâm theo cảnh giới phân biệt không dứt nên gọi thức tương tục. Lại nữa, tâm này giữ gìn nhân quả thiện ác trong ba đời không để hoại mất nên gọi là “tương tục”.

**2. Phân biệt tên gọi:** (Nghĩa nguồn gốc bảy thức) Chia làm bốn:

1. Sinh tử không có tự thể, do vọng tâm mà có
2. Giải thích lý do  
Từ “Nghĩa này thế nào” trở xuống.
3. Khuyên người nên biết  
Từ “Nên biết thế gian” trở xuống.
4. Kết luận không có Thể, chỉ nương vào tâm.  
Từ “Có nên tất cả pháp” trở xuống.

**1. Sinh tử không có tự Thể, do vọng tâm mà có:**

Chia làm hai:

1. Giải thích xuôi
2. Giải thích ngược

Cho nên, nghĩa là ở trên nói về duyên sinh của năm tâm tướng nên có sinh tử, chỉ có tâm là chính. Ba cõi luống dối chỉ do tâm tạo, những việc ta thấy như mộng như bóng trong gương không có tự thể. Nếu nói gần thì tâm là bảy thức, nếu nói xa thì tâm là tám thức kia, là tâm thì không có. “Sáu trần cảnh” là giải thích ngược.

**2. Giải thích lý do:**

Nghĩa này thế nào, nghĩa là bắt đầu đặt câu hỏi.

Tất cả pháp, nghĩa là các pháp sinh tử. Từ tâm sinh khởi, đó là chân thức. Vọng chẳng có tự thể riêng do nương chân mà sinh khởi nên gọi là từ tâm khởi. Do vọng niệm mà sinh, vọng niệm là thức thứ bảy kia. Nếu nói gán thì các pháp sinh tử từ vọng niệm sinh ra.

Trước nói về lý do sinh khởi, sau nói về Thể chính, hợp thành việc các pháp sinh.

Tất cả phân biệt tức là phân biệt tự tâm, nghĩa là tự tâm là thức chân tướng kia. Chân thức này, nghĩa là pháp chân thật trong chúng sinh chạy theo vọng duyên nên có vọng khác. Tất cả tâm thức phân biệt chân lý, tức là phân biệt tự tâm, không có lý do nào khác.

Tâm không thấy tâm, nghĩa là nói theo chân thì không phân biệt vì không có năng sở, vì không có tướng thật có nên gọi là chẳng thấy tâm.

Đoạn này nói lên sinh tử không có tự Thể, chân đế không có Tướng, đạo lý vốn như thế. Kinh nói hai đế, tông chỉ chủ yếu ở chỗ này.

### **3. Quán biết sinh tử vô thể:**

Nên biết tất cả cảnh thế gian, cũng là tất cả pháp ở đoạn trên, đều nương theo vọng tâm vô minh của chúng sinh mà được giữ gìn, đây là Thể, vô minh là thức vô minh kia, vọng tâm là nghiệp thức kia.

Từ đoạn trên đến thức tướng tục gọi chung là vọng tâm. Đây là Thể của sáu thức sinh tử nên gọi là “giữ gìn”.

### **4. Kết luận về vô thể:**

Cho nên tất cả pháp như bóng trong gương, không thật có tự thể.

Duy tâm, nghĩa là chỉ tùy theo tâm làm từ tâm, tâm sinh thì pháp sinh, tâm diệt thì pháp diệt nên nói là duy tâm.

Luống dối, là pháp năng tùy.

### **3. Nói về sáu thức tâm:**

Lại nữa vọng thức, là sáu thức, tức là thức tướng tục ở đây. Nương sự chấp trước của phàm phu mà chấp ngã ngã sở dần dần sâu nặng, gọi là chấp tánh vô minh căn bản. Các thứ vọng chấp phan duyên theo sự, nghĩa là tướng kế danh tự, đây là nói về căn bản. Lại nữa, từ câu này trở xuống là nói về chi mật (vô minh), trong đó nương kiến ái mà phiền não thêm lớn, kiến là năm kiến, ái là năm độn sử.

### **2. Trí cận cợt chẳng biết được:**

Chia làm ba:

1. Nói lên điều khó biết ấy
2. Giải thích lý do khó biết

Từ “Vi sao” trở xuống.

3. Tổng kết những điều khó biết

Từ “Cho nên” trở xuống.

**1. Nói lên những điều khó biết ấy:**

Nương vô minh huân tập mà thức được khởi, là nói lên tên gọi.

Từ “Nghiệp thức” trở xuống, nếu nói sâu kín cùng tột về vô minh cũng như thế. Từ đây trở xuống là phần nói về hiểu biết theo người, vì người khác nhau nên có bốn vị:

Phàm phu, Nhị thừa: Hạng này một bề chẳng phải cảnh giới

Thập tín trở lên: Hạng người này phát tâm thí giác quán sát lý này

**3. Sơ địa trở lên cho đến Thập địa:** Gọi là Biết chút ít.

Chư Phật: Phật mới hiểu thấu nghĩa chân vọng duyên khởi sinh ra lẫn nhau.

Xem chánh văn trình bày rất dễ biết.

**2. Giải thích lý do Khó biết:**

Vì sao tâm này xưa nay thanh tịnh mà có vô minh, nghĩa là chân thức này theo duyên mà thành nghĩa vọng. vô minh là thức vô minh kia. Bị vô minh làm nhiễm ô nên có tâm nhiễm, nghĩa là nghiệp thức trở xuống gọi là tâm nhiễm; tuy có tâm nhiễm mà thường chẳng thay đổi, tuy tướng thành nhiễm mà chân tánh không đổi, nên kinh Thắng Man nói Tự tánh tâm thanh tịnh bị phiền não nhiễm ô, khó có thể biết rõ. Chân mà thành vọng, dường như vọng mà vẫn thường chân, lý này chư Phật mới biết cùng tột, thức trí chẳng thể biết được.

**3. Kết luận nói lên điều khó biết:**

Cho nên nghĩa này chỉ có Phật mới biết, nghĩa là chỉ Phật là người chứng ngộ. Gọi là tâm tánh, nghĩa là nêu thể kia vì Thường vô niệm nên gọi là bất biến. Vì chẳng thông hiểu Nhất Pháp Giới, tâm chẳng tương ứng, bỗng nhiên niệm khởi gọi là vô minh. Đó là kết thúc phần bị vô minh nhiễm ô ở trên. Phần kết luận nói trên là tự tánh thanh tịnh nói trên.

**3. Phần hạn dứt hoặc khi:**

Về nguồn

Chia làm hai:

1. Nói về phần hạn dứt hoặc

2. Giải thích từ ngữ tương ứng, bất tương ứng.

Từ “Nói tương ứng là” trở xuống.

**1. Nói về phần hạn dứt hoặc:**

Chia làm hai:

1. Diệt hoặc của sáu thức
2. Hết hoặc của bảy thức

“Hoặc” trong sáu thức, có hai loại: Một là tướng chấp trước, hai là tướng Kế danh tự. Biết đối trị, nghĩa là tuệ đối trị hai hoặc ở trước tướng ứng với ý thức trong luận Thành Thật nói là Không tâm.

“Kế danh tự” trong pháp Tiểu thừa khi Kiến Đạo được dứt trừ, trong pháp Đại thừa khi Thập tín được dứt trừ.

“tướng Chấp thủ” trong pháp Tiểu thừa khi được Vô học thì dứt trừ rốt ráo, trong pháp Đại thừa khi chủng tánh thì dứt trừ.

Nay trong luận này lược bớt không có phần dứt hoặc Kế danh tự.

Sáu tâm nhiễm, nghĩa là trừ thức vô minh, còn lại đều là tâm nhiễm. Có sáu thứ, nghĩa là nêu chung sáu thức và bảy thức.

Chấp tướng ứng nhiễm, nghĩa là tướng chấp thủ. Địa vị Tín tướng ứng, nghĩa là Chủng tánh. Trí tuệ đối trị, nghĩa là trong Tiểu thừa khi nhập Niết-bàn vô dư thì dứt sạch; trong pháp Đại thừa khi vào Sơ địa thì dứt sạch.

Bất đoạn nhiễm, cũng là thức tương tục, Chủng tánh trở lên cho đến Sơ địa mới dứt sạch.

Trí tương ứng nhiễm. Y cụ giới địa, là Địa thứ hai, Vô tướng phương tiện địa, nghĩa là Địa thứ bảy. Từ Bát địa không có tướng phương tiện nên gọi là Vô tướng phương tiện.

Nói Sắc tự tại địa, là Địa thứ tám, có thể thanh tịnh cõi Phật gọi là Sắc tự tại.

Năng kiến, nghĩa là chuyển thức. Địa thứ chín, khéo biết sơ tâm gọi là tâm tự tại.

Bồ-tát Địa Tận là Địa thứ mười, không rõ nghĩa Nhất pháp là căn bản vô minh địa. Trước địa là học đoạn, từ Sơ địa trở lên là Ly đoạn, Phật địa mới dứt sạch. Kinh Thắng Man nói Vô minh địa là chỗ dứt của trí Phật. Biết đối trị, cũng là bảy thức. Hiểu biết của duyên chiếu đối trị sáu loại trước, hiểu biết này cũng sạch hết. Sơ địa dứt bỏ cho đến thành Phật mới hết.

Hỏi: Trong Như Lai địa dứt nghiệp vô minh là thế nào?

Đáp: Chân chiếu dứt hoặc hợp lại nói đoạn có hai loại: Một là chính đoạn, hai là chứng đoạn. Duyên chiếu là chính đoạn, chân chiếu là chứng đoạn.

Trong luận này nhắm vào chứng dứt nên vào địa vị Như Lai mới dứt.

## 2. Giải thích từ ngữ tương ứng bất tương ứng:

Có nhiều cách giải thích khác nhau. Theo Tỳ-đàm thì tâm và tâm sở đồng thời. Khi tâm vương khởi các tâm sở cũng đều khởi giúp nhau thành tựu gọi là tương ứng. Theo luận Thành Thật thì tâm tâm sở có trước sau. Sau khi Thức tâm diệt, tướng tâm đồng chấp lấy một cảnh gọi là tương ứng. Trong pháp Đại thừa, tâm tướng chuyển thô, dụng nhiệm và tâm tương ứng nhau, nên gọi là tương ứng.

Có nghĩa là tâm niệm và pháp khác nhau, niệm là dụng nhiệm tâm biết. Vì cái Biết tướng duyên tương đồng, nghĩa là tâm thể là Biết, dụng nhiệm cũng Biết, thì theo cảnh mê nên nói đồng một duyên Biết. Bất tương ứng, nghĩa là tức tâm bất giác thường không khác nhau, tức chỉ tâm thể, vì vô minh chẳng phải duyên ngoài tạm mà có dụng mê. Toàn thể là Tâm, toàn thể là mê nên không khác nhau. Chẳng giống biết tướng duyên tương, là vì thể dụng chẳng khác. Cũng có thể tâm và tướng cảnh giới cùng Thể nên gọi tâm tương ứng. Trong sáu thứ trước, hiện thức về sau là tương ứng, đó là xét theo thô mà phân biệt, nhiệm tịnh của tri thức gọi là tương ứng. Nếu xét theo tế thì chỉ có vô minh địa là đúng. Bất tương ứng nghiệp thức về sau là nghĩa tương ứng, vì đều là ngọn ngành trong hằng sa. Nghĩa này muốn hiểu cùng tột phải luận bàn rộng rãi, trong đây chỉ phân biệt hai thứ:

Đối tâm thức mà nói nghĩa tương ứng bất tương ứng.

Ngay thể mê lầm nói về nghĩa tương ứng bất tương ứng.

Đối tâm, nghĩa là tâm có ba thứ: Một là tâm sở sự thức, nghĩa là sáu thức; hai là vọng thức tâm là thức thứ bảy; ba là chân thức tâm nghĩa là thức thứ tám.

Trong Sự Thức kia các phiền não có hai nghĩa:

Nghĩa tương ứng, nghĩa là các hoặc hiện khởi là tâm phiền não, đối với tâm khác thể, đồng duyên với tâm nên nói tương ứng, như thọ, tưởng...

Nghĩa Bất tương ứng, nghĩa là tánh thành kiết sử, tức là nói tâm thể là tánh phiền não chẳng có tâm sở riêng, đồng tương ứng với tâm vương kia, nên nói bất tương ứng.

Trong Vọng Thức cũng có hai nghĩa; tâm có sáu loại như trên đã nói, trong sáu loại thì bốn loại căn bản là Bất tương ứng, hai loại cuối đều là nghĩa tương ứng.

Nghĩa tương ứng giải thích chẳng khác trước, Bất tương ứng tức chỉ cho bảy thức.

Thể của tâm vọng tưởng là phiền não, chẳng phải ngoài tâm có



phiền não riêng tương ứng với tâm gọi là Bất tương ứng.

Hỏi: Tại sao thô thì tương ứng, tế không tương ứng?

Đáp: Theo thô khi tác ý có tướng khác sinh khởi nên khác với tâm đồng tương ứng. Theo tế thì tánh thành, chẳng phải sinh khởi riêng khác nên gọi là Bất tương ứng.

Trong Chân Thức cũng có hai nghĩa:

Chân vọng hòa hợp gọi là nghĩa tương ứng

Chân vọng tánh khác gọi là bất tương ứng.

Kế đến, theo Hoặc Thể Tướng nói về nghĩa của tương ứng bất tương ứng.

Hoặc thể có bốn:

1. Vô minh địa

2. Vô minh khởi

3. Tứ trụ địa

4. Tứ trụ địa khởi.

Trong bốn loại này, Vô minh trụ địa nhất định không tương ứng nên kinh Thắng Man nói Tâm bất tương ứng vô tử vô minh trụ địa. Tâm thể của vọng thức là vô minh nên không tương ứng. Trước khi khởi vô minh kinh nói là tương ứng nên Thắng Man nói ở đây khởi phiền não sát-na tương ứng mà tùy theo nghĩa nói đến chỗ vi tế cũng có nghĩa Bất tương ứng, thế thì làm sao biết?

Như trong luận này, nghiệp chuyển hiện thức là Bất tương ứng nhiễm, Trí thức tương tục thức là tương ứng nhiễm, nhưng năm thức này vì đều từ vô minh khởi nên có nghĩa không tương ứng.

Hỏi: Nếu vậy tại sao Thắng Man chỉ nói một chiều là tương ứng?

Đáp: Vì khác vô minh nên nói nghiêng lệch như thế.

Tứ trụ địa tương chung chỉ là tâm tùy theo nghĩa tương ứng, đó là nói theo thô; theo tế có hai nghĩa: Hoặc hiện khởi tương ứng với tâm, hoặc tánh thành đồng thể với tâm gọi là Bất tương ứng.

Vì có nghĩa này nên có người nói nhất định tâm tương ứng, có người nói nhất định Bất tương ứng. Nghĩa đã nghiêng lệch về hai bên, không nên cố chấp.

Tứ trụ sở khởi một bề tương ứng vì thô khởi kia khác với tâm, nên Thắng Man nói bốn trụ khởi sát-na tương ứng. Trong luận này theo vọng thức mà nói về nghĩa tương ứng Bất tương ứng.

#### **4. Theo hai chương để Phân biệt:**

Trước đã nói sáu thứ thu nhiếp thành hai chương, vô minh căn bản là trí chướng, nghiệp thức trở xuống là phiền não chướng. Nhưng hai

chương này phải bàn luận rộng. Hai chương là hai lớp mảnh lưới làm chúng sinh chìm đắm trong sinh tử, là cội nguồn của các hoặc, là cửa ải ngăn chặn đường Niết-bàn, làm chướng ngại Thánh đạo nên gọi là chướng.

Chương có vô lượng, tóm lược có hai loại là Phiền não chướng và Trí chướng.

Ý nghĩa hai chướng có ba cách giải thích:

**Cách I.** Bốn trụ phiền não là phiền não chướng.

Vô minh trụ địa là trí chướng.

**Cách II.** Năm trụ tánh kiết là phiền não chướng.

Trong sự, vô tri là trí chướng.

Vô minh có hai loại là mê lý vô minh và sự vô tri, mê lý vô minh là tánh kết.

**Cách III.** Năm trụ tánh kiết và sự vô tri đồng là phiền não chướng.

Phân biệt duyên trí là trí chướng.

- Bốn trụ phiền não là phiền não chướng.

Chia làm bốn:

1. Định chướng tướng là ấn định tướng chướng

2. Thích chướng danh là giải thích tên chướng

3. Nói về đoạn xứ là nói về chướng phải dứt

4. Đối chướng nói giải thoát là đối chướng phân biệt về giải thoát.

**1. Ấn Định tướng chướng:**

Ấn định tướng của chướng, làm sao biết?

Bốn trụ phiền não là phiền não chướng, vô minh trụ địa cho là trí chướng. Dùng kinh Thắng Man so với luận Địa Trì kiểm chứng để biết.

Trong kinh Thắng Man, người Nhị thừa chỉ dứt bốn trụ không dứt vô minh trụ địa. Luận Địa Trì nói người Nhị thừa phiền não chướng thanh tịnh chẳng phải trí chướng thanh tịnh. “Phiền não thanh tịnh” cũng là chỗ dứt trừ của bốn trụ trong kinh Thắng Man. “Chẳng phải trí chướng thanh tịnh” là chẳng dứt vô minh trụ địa, nên biết bốn trụ là phiền não chướng, vô minh trụ địa là trí chướng.

**2. Giải thích tên chướng:**

Kiết sử của năm trụ nói chung là làm cho não loạn và mệt mỏi, đều làm chướng trí. Vì sao bốn trụ lại bị gọi là phiền não chướng, riêng vô minh là trí chướng?

Đáp: Lý thật đều chung, nhưng lại chia thành hai chướng ẩn hiển khác nhau để gọi tên. Đồng ẩn hiển như nhau, tùy công năng mạnh

của mỗi chương mà phân biệt hai tên. Kiết sử của bốn trụ phiền não hiện khởi phát nghiệp sinh diệt mỗi, não loạn, ý nghĩa nghiêng về tên gọi phiền não, khác với hoặc và hiểu của tâm có thể khác nhau là xa cách và che lấp chương ngại khiến trí tuệ yếu kém nên không gọi là trí chướng. Vô minh ngu lăm là lý do chính khiến xa rời sự hiểu biết rõ ràng, gần gũi vô minh nghĩa là che lấp chương ngại trí tuệ rất nhiều nên gọi là trí chướng, nhậm tánh vô tri, chẳng phải hiện khởi, chẳng phát được nghiệp, tự chuốc khổ báo, mê mõi não loạn, yếu kém nên không gọi là phiền não chướng.

### **3. Nói về chỗ dứt trừ:**

Tóm lược có hai bậc:

1. Phân biệt tương đối theo Đại, Tiểu thừa
2. Phân biệt thế gian, xuất thế gian tương đối theo Đại thừa
1. Phân biệt tương đối theo Đại, Tiểu thừa

Chia làm ba:

#### **1. Ẩn hiển lẫn nhau:**

Người Nhị thừa chỉ dứt phiền não, Bồ-tát chỉ diệt trí chướng. Nhị thừa chẳng trừ trí chướng từng phần vì chỗ dứt trừ yếu ớt, ẩn tế theo thô nên chẳng nói tới; Bồ-tát chẳng phải không dứt phiền não vì chỗ dứt ngược lại ẩn thô theo tế cho nên không nói.

#### **2. Hình tướng hơn kém:**

Nhị thừa hiểu biết kém chỉ dứt phiền não, Bồ-tát đối trị rộng hai chướng đều dứt nên Địa Trì nói Thanh văn Duyên giác phiền não chướng thanh tịnh chẳng phải Trí chướng thanh tịnh, Bồ-tát chủng tánh đầy đủ hai thứ thanh tịnh.

#### **3. Y cứ vào thật mà nói chung:**

Nhị thừa, Bồ-tát hai chướng đều dứt.

#### **2. Theo Đại thừa thì Phân biệt tương đối thế gian, xuất thế gian:**

Theo Đại thừa phân biệt tương đối thế gian xuất thế gian, nghĩa là trước Giải Hạnh gọi là thế gian, Sơ địa trở lên gọi là Xuất thế. Trong đó có phân biệt bốn môn:

1. Bồ thô nói tế

Bồ-tát Địa Tiền đối với hai chướng kia một bề chưa dứt trừ, Sơ địa trở lên hai chướng đều dứt nên trong Niết-bàn nói Địa tiền có đủ tánh phiền não.

2. Ẩn hiển lẫn nhau

Địa Tiền là thế gian chỉ dứt phiền não, Sơ địa trở lên chỉ dứt trí chướng.

### 3. Hình tướng hơn kém

Địa Tiên hiểu biết kém chỉ dứt phiền não, Địa Thượng hiểu biết thù thắng nên dứt cả hai chướng.

### 4. Y cứ vào thật

Thế gian và xuất thế gian đều dứt cả hai chướng, tướng trạng thế nào?

#### **1. Trong phiền não chướng:**

Chia làm hai:

1. Tử kết
2. Quả phược

Tử kết phiền não Địa tiên dứt trừ, quả phược phiền não Địa thượng dứt trừ.

#### **1. Tử kết.**

Chia làm hai:

1. Chánh sử tác ý mà sinh
2. Dư tập, nhậm tánh mà khởi

Chánh sử phiền não, Thanh văn Duyên giác cho đến chủng tánh dứt trừ sạch hết, kết sử của dư tập nhậm tánh khởi chủng tánh trở lên cho đến tướng địa mới dứt trừ rốt ráo. Cho nên Địa Trì nói a-tăng-kỳ đầu tiên vượt qua Giải Hạnh, trụ vào Hoan hỷ địa, dứt tăng thượng trung ác thú Chánh sử phiền não bất thiện, gọi là tăng thượng tập gọi là trung. Khi nhập Hoan Hỷ địa tất cả đều dứt sạch.

#### **2. Trong quả phược:**

Chia làm hai:

1. Chánh sử tác ý mà sinh
2. Tập khí nhậm vận mà khởi

Chánh sử phiền não, cái gọi là ái Phật ái Bồ-đề... bắt đầu từ Sơ địa thứ lớp dứt trừ, cho đến Bất động địa là dứt sạch cho nên Địa Trì nói a-tăng-kỳ thứ nhất vượt qua Trụ thứ bảy vào Địa thứ tám, phiền não nhỏ nhiệm thủy đều dứt trừ. Bát địa trở lên dứt trừ dư tập kia nên Địa Trì nói a-tăng-kỳ thứ ba dứt trừ tập khí, vào Trụ tối thượng.

#### **2. Trí chướng:**

Chia làm hai:

1. Mê tướng
2. Mê thật

#### **1. Mê tướng:**

Thông thường pháp thú hướng gọi là tướng, không thể ngộ giải là nó vốn Không thì gọi đó là mê, Như Lai tạng tánh gọi là thật mà không

thể thấu hiểu cùng tột nên gọi là mê.

Vô minh mê tướng là chỗ Địa tiền dứt trừ, vô minh mê thật là chỗ đẹp bỏ của Địa thượng.

Chia làm hai:

1. Mê tướng lập tánh
2. Mê tánh lập tướng

Mê tướng, nghĩa là pháp vọng nhóm họp luống dối cho đó là tướng, không biết nhóm họp luống dối nên lập ra tướng cố định, gọi là mê. Mê tánh, nghĩa là thông thường pháp sinh khởi vô tánh mà cho là tánh, vì mê tánh này nên lập tướng nhân duyên.

Vô minh mê tướng Thanh văn Duyên giác cho đến tánh chủng dứt trừ cùng tận, vô minh mê tánh tập chủng tánh trở lên cho đến Sơ địa thấy đều dứt trừ.

## **2. Vô minh mê thật:**

Chia làm hai:

- 2a. Mê thật tướng
- 2b. Mê thật tánh

Vắng lặng vô vi là thật tướng kia, không thể biết vô vi vắng lặng này nên gọi là mê tướng, trong Như Lai tàng vốn có hằng sa Phật pháp chân thật là thật tánh kia, không thể chứng đến tột cùng nên nói là mê tánh.

Hai vô minh này, nói về dứt trừ không nhất định, nếu theo Địa Kinh thì Sơ địa trở lên cho đến địa thứ sáu dứt được tướng mê này cho nên phân biệt được thuận hẳn. Địa thứ bảy trở lên dứt trừ mê thật tánh cho nên chứng được thể Vô sinh hẳn.

Nếu theo Niết-bàn thì địa thứ chín lại dứt trừ tướng mê kia nên nói là thấy nghe Phật tánh; Thập địa trở lên dứt mê thật tánh nên nói là Mắt thấy Phật tánh, để nghiệm chứng hai chương đều trước sau cùng đoạn, đối trị dứt trừ phần thô.

## **4. Đối chương nói về giải thoát:**

Dứt chương phiền não được tâm giải thoát, dứt trừ trí chương được tuệ giải thoát. Ý nghĩa này thế nào? Phân biệt có hai phần:

### **1. Ẩn hiển lẫn nhau:**

Dứt phiền não chương, chư Phật, Bồ-tát thế đế Tâm giải thoát dứt trừ trí chương, chân đế Tuệ giải thoát. Vì sao? Phiền não nhiễm sự nên dứt phiền não, Thế đế tâm giải thoát dứt phiền não, lý thật tuy tùy theo chủ gọi là có tất cả đức giải thoát, nói chung là tâm giải thoát.

Vô minh chương lý nên dứt vô minh, chân đế tuệ giải thoát dứt vô

minh. Bấy giờ, tức lý được thành tựu tất cả đức giải thoát, theo chủ mà gọi tên, gọi chung là tuệ giải thoát.

***B2. Đối chướng phân biệt rộng hẹp:***

Dứt phiền não chướng vì chỉ dứt tâm nhiễm ái trong sự, Thế đế tâm giải thoát khi dứt trí chướng trừ vô minh địa, và dứt vô minh thô trong sự nên nhị đế Tuệ giải thoát.

Đây là lần giải thích đầu đã xong.

